**GIAN LẬN VÀ SAI PHẠM CẤP ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (\*)**

(\*) Bài dịch từ bài báo : Dan Ştirbu, Maria Moraru *et al (2009), Fraud and error auditor’s responsibility levels*,Annales Universitatis Apulensis Series Oeconomica, 11(1).

**(Tiếp theo phần 1)**

**Phân tích các câu trả lời liên quan đến trách nhiệm của kiểm toán viên trong việc phát hiện gian lận**

**Băng 3: Trách nhiệm của kiểm toán viên trong việc phát hiện gian lận**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | Chức vụ của người trả lời khảo sát |
| Người sử dụng các báo cáo tài chính N = 213 |
| Rất không đồng ý | Không đồng ý | Trung lập | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
| 3. Việc ngăn chăn gian lận và sai sót có phải là trách nhiệm của kiểm toán viên hay không? | 45 (21.1%) | 48 (22.5%) | 41 (19.2%) | 40 (18.8%) | 39 (18.3%) |
| 4. Việc phát hiện tất cả các gian lận và sai sót có phải là trách nhiệm của kiểm toán viên hay không? | 40 (18.8%) | 53 (24.9%) | 38 (17.8%) | 47 (22.1%) | 35 (16.4%) |
| 5. Việc báo cáo tất cả các gian và sai sót trong báo cáo kiểm toán có phải là trách nhiệm của kiểm toán viên hay khồng? | 42 (19.7%) | 63 (29.6%) | 34 (16.0%) | 43 (20.2%) | 31 (14.6%) |
| 6. Kiểm toán viên có phải chịu trách nhiệm cho bất kỳ điểm yếu nào về hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty hay không? | 51 (23.9%) | 58 (27.2%) | 53 (24.9%) | 25 (11.7%) | 26 (12.2%) |
| 7. Bạn có cho rằng cần nên có một tiêu chuẩn kiểm toán để kiểm toán viên chịu trách nhiệm về việc phát hiện và báo cáo gian lận hay không? | 42 (19.7%) | 63(29.6%) | 34 (16 %) | 43 (20.2%) | 31 (14.6%) |

Bảng 3 cho thấy 18,8% và 18,3% số người được hỏi đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng trách nhiệm của kiểm toán viên là giúp ngăn chặn lừa đảo và sai sót. Hầu hết những người được hỏi, 21,1%, phản đối mạnh mẽ với tuyên bố trên, và 22,5% không đồng ý với nó. Tỷ lệ này được duy trì cũng trong trường hợp của bốn câu hỏi khác. Theo ý kiến ​​của chúng tôi, kết quả thu được trong tương phản với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế về kiểm toán mà Phòng Kiểm toán viên tài chính của Romania thông qua. Theo ISA 200 "Mục tiêu và nguyên tắc chung quản trị một bản kiểm toán báo cáo tài chính", mục tiêu của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính là cho phép kiểm toán viên đưa ra ý kiến ​​liệu các báo cáo tài chính được lập, trong tất cả các khía cạnh trọng yếu, có phù hợp với các khuôn khổ báo cáo tài chính áp dụng hay không. Tuy nhiên, ISA 200 cũng đòi hỏi một cuộc kiểm toán phải được thiết kế để nó cung cấp sự đảm bảo hợp lý của cả hai vấn đề phát hiện sai sót trọng yếu và gian lận trong báo cáo tài chính. Để thực hiện điều này, các kiểm toán phải được lập kế hoạch và trình bày với một thái độ hoài nghi trên tất cả các khía cạnh của việc cam kết. Thái độ chuyên hoài nghi là một đầu óc đầy những câu hỏi và việc đánh giá phê bình bằng chứng kiểm toán. Các kiểm toán viên không nên giả định rằng quản lý là không trung thực, nhưng khả năng không trung thực phải được xem xét. Các kiểm toán viên cũng không nên giả định rằng việc quản lý là không trung thực nhưng khả năng trung thực thì vẫn cần xem xét lại. Các kiểm toán viên cũng không nên giả định rằng việc quản lý là trung thực không một nghi hoặc nào.

Hầu hết những người được hỏi (29,6% không đồng tình và 19,7% phản đối mạnh mẽ) có quan điểm rằng không nên có một luật lệ bắt buộc kiểm toán viên phải có trách nhiệm ngăn chặn, phát hiện và báo cáo gian lận, lừa đảo. Nó không phải là một yêu cầu bắt buộc đối với kiểm toán viên trong việc ngăn chặn và phát hiện gian lận; tuy nhiên, một khi phát hiện việc gian lận, lừa đảo kiểm toán viên phải báo cáo các hoạt động gian lận như vậy đến các cơ quan có thẩm quyền. Annales Universitatis Apulensis Dòng Oeconomica, 11 (1), 2009. Với số lượng kiểm toán viên (114) trong tổng số người được hỏi (213), chúng ta có thể bào chữa những gánh nặng đối với các bản cáo trạng liên quan đến trách nhiệm về việc phát hiện và báo cáo gian lận, lừa đảo. Tuy nhiên, số lượng người được hỏi tin rằng phát hiện gian lận và báo cáo là trách nhiệm của kiểm toán viên thì cao đến mức ngạc nhiên. Điều này cho thấy người sử dụng mong đợi về kiểm toán viên chịu trách nhiệm về việc phát hiện gian lận và sai sót không được hiểu rõ. Trong hoàn cảnh này, việc phân tích các vị trí được thực hiện bởi mỗi loại của người tham gia trả lời và so sánh những trường hợp này thật thú vị.

Nhằm so sánh câu trả lời của ba nhóm người được hỏi, chúng tôi đã sử dụng phần mềm phân tích thống kê "SPSS phiên bản 15,0". Nhờ phần mềm này chúng tôi tính toán giá trị trung bình của các phản ứng. Phản ứng với một giá trị trung bình hơn 3 cho thấy rằng những người sử dụng đặt kì vọng cao đối với nhiệm vụ và trách nhiệm của kiểm toán viên hơn là họ cần phải có. Phản ứng với một giá trị trung bình dưới 3 cho thấy rằng người sử dụng hiểu đúng nhiệm vụ và trách nhiệm của kiểm toán viên trong việc phát hiện và báo cáo gian lận.

**Bảng 4: Mức bình quân của phản hồi cho mỗi nhóm trả lời**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi đề nghị** | **Giá trị trung bình của các nhóm trả lời** |
| **Kiểm toán viên** | **Quản lý** | **Nhân viên nhân hàng** |
| 3. Ngăn chặn gian lận và sai sót có phải là trách nhiệm của kiểm toán viên hay không? | 2.14 | 3.32 | 3.9 |
| 4. Phát hiện tất cả gian lận và sai sót có phải là trách nhiệm của kiểm toán viên hay không? | 2.36 | 3.68 | 3.9 |
| 5. Báo cáo tất cả các thiếu sót và gian lận trong báo cáo của Kiểm toán có phải trách nhiệm của kiểm toán viên hay không? | 2.63 | 3.47 | 4.6 |
| 6. Kiểm toán viên có phải chịu trách nhiệm cho bất kỳ điểm yếu nào trong hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty hay không? | 1.98 | 2.91 | 3.3 |
| 7. Bạn có cho rằng nên có một tiêu chuẩn kiểm toán để kiểm toán viên chịu trách nhiệm phát hiện và báo cáo gian lận? | 2.41 | 4.47 | 4.1 |

Các giá trị trung bình trong bảng số 4 cho thấy rằng hầu hết các nhà quản lý và giám đốc ngân hàng tin rằng kiểm toán viên có trách nhiệm ngăn ngừa và phát hiện gian lận và sai sót (câu hỏi 3 và 4). Phát hiện này là tương tự với một trong những Best et al (2001) và nó cho thấy rằng trách nhiệm của kiểm toán viên trong việc ngăn ngừa và phát hiện gian lận có một khoản cách. Một khoảng cách tồn tại ở đây bởi do tiêu chuẩn quốc tế về kiểm toán 240 "Gian lận và sai sót" rõ ràng quy định rằng trách nhiệm ngăn ngừa và phát hiện gian lận thuộc về quản lý, và trách nhiệm chính của kiểm toán viên là phát hiện gian lận và sai sót chỉ trong chừng mực chúng có liên quan đến đánh giá rủi ro. Câu trả lời cho câu hỏi 5 có giá trị trung bình cao nhất cho cả ba nhóm người được hỏi, trong đó cho thấy rằng người dùng mong đợi kiểm toán viên báo cáo tất cả các thiếu sót và sai sót. Mức độ cao trong số người trả lời trong nhóm của kiểm toán viên rất đáng ngạc nhiên, cho thấy rằng ngay cả trong nhóm này có nhận thức khác nhau về nghĩa vụ báo cáo gian lận trong báo cáo phát hành. Tuy nhiên, theo yêu cầu của các chuẩn mực kiểm toán, kiểm toán viên không có quyền báo cáo gian lận và sai sót trong báo cáo của mình và họ được khuyên tìm kiếm sự trợ giúp pháp lý để xác định các thủ tục thông thường trong những trường hợp như vậy. Đối với một mức độ thấp hơn, người sử dụng cho rằng kiểm toán viên chịu trách nhiệm cho sự ổn định của kiểm soát nội bộ trong công ty (câu 6).

Kết quả cho thấy một khoảng cách kỳ vọng giữa những người tham gia trả lời và các quy định pháp lý hiện nay trong việc phát hiện gian lận và báo cáo.

**Phân tích các câu trả lời liên quan đến các thủ tục kiểm toán được áp dụng để phát hiện gian lận**

**Bảng 5: Trách nhiệm của kiểm toán viên trong việc phát hiện gian lận**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | Chức vụ của người trả lời khảo sát |
| Người sử dụng các báo cáo tài chính N = 213 |
| Rất không đồng ý | Rất không đồng ý | Rất không đồng ý | Rất không đồng ý | Rất không đồng ý |
| 8. Bạn có nghĩ rằng kiểm toán viên cần thực hiện các thủ tục bổ sung trong nỗ lực của họ để phát hiện gian lận? | 21(9.9%) | 32(15 %) | 41(19.2%) | 50(23.5%) | 69(32.4%) |
| 9. Bạn có nghĩ rằng kiểm toán viên cần đánh giá các hoạt động của bộ phận kiểm soát nội bộ có liên quan đến việc phát hiện gian lận? | 25(11.7%) | 23(10.8%) | 18(8.5%) | 67(31.5%) | 80 (37.6%) |
| 10. Bạn có nghĩ rằng các công ty kiểm toán theo luật định cần đánh giá hoạt động của các kiểm toán viên nội bộ? | 22(10.3%) | 27(12.7%) | 32(15%) | 63(29.6%) | 69 (32.4%) |
| 11. Bạn có nghĩ rằng kiểm toán viên cần phát triển các thủ tục kiểm toán bổ sung để cho phép xác định và đánh giá tất cả các giao dịch với các bên liên quan? | 24(11.3%) | 39(18.3%) | 41(19.2%) | 49(23%) | 60(28.2) |

Mục này chỉ ra rằng những phản ứng đối câu hỏi liệu kiểm toán viên cần thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung nhằm nổ lực phát hiện gian lận, lừa đâỏ hay không. Do đó, 32,4% ( hoàn toàn tán thành ) và tương ứng khoảng 23,5% (đồng ý) cho rằng kiểm toán viên cần phát triển và áp dụng quy trình bổ sung cho những áp dụng kể từ ngày nghiên cứu. Có thể là một số lượng lớn của người xem xét một cách đầy đủ và hiệu quả quy trình hiện hành của kiểm toán viên áp dụng trong việc phát hiện gian lận là hệ quả của vụ bê bối tài chính liên quan đến nhiều công khai kiểm toán theo luật pháp, trong đó phát sinh giữa người sử dụng báo cáo tài chính; một cảm giác bất lực của kiểm toán viên trong việc phát hiện gian lận. 31,5% và 37,6% số người được hỏi đồng ý và tán đồng mãnh liệt rằng kiểm toán viên cần đánh giá kiểm soát nội bộ các công ty áp dụng để ngăn chặn hoặc phát hiện gian lận. Lần này chúng ta có thể lưu ý rằng các câu trả lời là một phần phù hợp với các yêu cầu tiêu chuẩn quốc tế về kiểm toán ISA 400 "Đánh giá rủi ro và kiểm soát nội bộ". Theo tiêu chuẩn này, kiểm toán viên phải thu thập đầy đủ thông tin trong hệ thống kiểm soát nội bộ và kế toán để lập kế hoạch kiểm toán và sử dụng giải pháp kiểm toán có hiệu quả. Tuy nhiên, điều 400 ISA không đặc biệt yêu cầu đánh giá về kiểm soát nội bộ là có hay không, hệ thống kiểm soát nội bộ như vậy cho phép phòng ngừa hoặc phát hiện gian lận (trộm cắp tài sản).

Người trả lời cũng được hỏi liệu rằng kiểm toán viên có cần đánh giá vai trò của kiểm toán viên nội bộ hay không. Dựa trên tiêu chuẩn quốc tế về kiểm toán điều 610 ISA "Kiểm tra công việc của kiểm toán nội bộ", kiểm toán viên được yêu cầu phải thực hiện đánh giá sơ bộ của các chức năng kiểm toán nội bộ khi xuất hiện trường hợp kiểm toán nội bộ có liên quan đến việc kiểm toán bên ngoài các báo cáo tài chính trong lĩnh vực kiểm toán cụ thể. Nghiên cứu này cho thấy rằng hầu hết những người được hỏi đều đồng ý rằng kiểm toán viên cần thực hiện các đánh giá của kiểm toán viên nội bộ (29,6% số người được hỏi đều đồng ý và 32,4% hoàn toàn đồng ý).

Theo điểu 550 ISA về "Các bên liên quan", một cuộc kiểm toán không thể nào phát hiện hết tất cả các giao dịch với bên liên quan. Tuy nhiên, kiểm toán viên cần thực hiện các thủ tục kiểm toán được thiết kế để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc xác định và công bố bởi quản lý của các bên liên quan và ảnh hưởng của các giao dịch với bên liên quan đó là tư liệu cho các báo cáo tài chính. Nghiên cứu cho thấy rằng những người được hỏi có yêu cầu cao hơn đối với vấn đề này , như 23,0% trong số họ đồng ý và 28,2% nhất trí hoàn toàn rằng kiểm toán viên cần tìm hiểu tất cả các giao dịch bên liên quan.

Nhìn chung, kết quả của phần này cho thấy rằng có một khoảng cách nhât định giữa kỳ vọng của người tham gia trả lời câu hỏi và các quy định hiện nay dành cho kiểm toán viên đối với việc phát hiện và báo cáo gian lận. Điều này chứng minh rằng các chuẩn mực kiểm toán hiện nay đang thiếu hay nói cách khác là chưa thật sự đầy đủ đối với các vấn đề liên quan đến việc phát hiện gian lận và báo cáo gian lận.

**KẾT LUẬN**

Nghiên cứu này tập trung khảo sát về nhận thức của người sử dụng báo cáo tài chính tại các mức độ gian lận khác nhau tại Romania và trách nhiệm của kiểm toán viên trong việc phát hiện gian lận. Nó cũng góp phần điều tra mức độ nhận thức của các thủ tục kiểm toán liên quan. Bên cạnh đó, nghiên cứu này cũng nhằm mục đích xác định liệu nhận thức của người sử dụng báo cáo của kiểm toán viên về trách nhiệm vào việc phát hiện gian lận là phù hợp với các ngành nghề kiểm toán dựa trên những tiêu chuẩn của Romania đưa ra.

Nghiên cứu cho thấy rằng những người trả lời rất quan tâm đến các vấn đề gian lận tại Romania. Ngoài ra, kết quả cho thấy rằng nhận thức của người trả lời về mục tiêu chính thức của kiểm toán là không chính xác, vì họ đặt kỳ vọng quá cao vào kiểm toán các nhiệm vụ về phòng, chống gian lận và phát hiện. Nhận thức này là trái ngược với mục tiêu chính được của một cuộc kiểm toán theo quy định tại ISA 200, nó chỉ đơn thuần là yêu cầu kiểm toán viên đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính mà không phải là đưa ra ý kiến cũng như nỗ lực phòng ngừa và phát hiện gian lận của công ty. Sự thay đổi này đã được giải thích trong Sự chuyển đổi trong mô hình kiểm toán của Porter (1997).

Theo ISA điều 240, trách nhiệm của Kiểm toán viên là cần xem xét gian lận trong kiểm toán báo cáo tài chính, trách nhiệm của họ là làm cho nó rõ ràng và minh bạch để ngăn chặn và phát hiện các gian lận. Phần còn lại là báo cáo lỗi với quản lý, thông qua việc thực hiện và tiếp tục hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ. Một hệ thống như vậy sẽ làm giảm bớt nhưng vẫn không loại trừ khả năng gian lận và sai sót. Ngược lại, các công ty kiểm toán không phải được tổ chức để chịu trách nhiệm về công tác phòng chống gian lận và sai sót. Thực tế hằng năm có hơn một kiểm toán được thực hiện để tìm ra sai phạm, tuy nhiên, hoạt động này đã bị ngăn chặn.

Các kiểm toán viên do đó phải tìm đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp có gian lận hoặc sai sót có thể là tài liệu cho các báo cáo tài chính. Nếu nó đã xảy ra, kiểm toán viên phải đảm bảo rằng ảnh hưởng của gian lận được phản ánh trên các báo cáo tài chính hoặc các lỗi được sửa chữa. Do những hạn chế cố hữu của một cuộc kiểm toán, có một rủi ro không thể tránh khỏi rằng sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính, kết quả từ sự gian lận hay (đến một mức độ thấp hơn) lỗi, có thể không được phát hiện. Trường hợp sai sót trọng yếu như vậy được phát hiện sau khi kiểm toán, kiểm toán viên sẽ chỉ thất bại trong việc tuân thủ các nguyên tắc và thủ tục cơ bản nếu nhận thấy rằng các thủ tục kiểm toán được thực hiện không đầy đủ trong những trường hợp nhất định.

Nghiên cứu cũng cho ta thấy được sự thiếu hiểu biết trong số những người được hỏi về những nhiệm vụ theo luật định của kiểm toán viên. Nguyên nhân của sự thiếu hiểu biết này là vì người sử dụng có thể đã không đọc quy định theo luật định đối với kiểm toán viên, đã bỏ qua hoặc quên những điều đó. Tình hình này có thể được cải thiện thông qua nhiều chiến lược, hai trong số những cách thức hiệu quả để thành công là:

1. Giáo dục người dùng về vai trò và nhiệm vụ thực tế của kiểm toán viên, cách tốt nhất là thông qua giao tiếp với kiểm toán viên.
2. Mở rộng phạm vi kiểm toán để đáp ứng kỳ vọng của thị trường. Porter (1997) tin rằng giáo dục có thể giúp giải quyết các quan niệm sai lầm vì nó có thể làm giảm " sự hiểu lầm " gây ra bởi sự thiếu hiểu biết.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Alleyne, P. & Howard, M. 2005. Nghiên cứu thăm dò về trách nhiệm của kiểm toán viên trong việc phát hiện gian lận tại Barbados. Quản trị kiểm toán Journal. 20 (3): 284-303.

2. Arthur Andersen & Co. 1974. Kế toán trong chuyển đổi, Arthur Anderson & Co.

 3. Baron, C., D. Johnson & Smith, S. H. (1977). Khám phá những vi phạm của công ty: Phải chăng chúng ta đang thu hẹp khoảng cách mong đợi? Tạp chí Kế toán f. Tháng 10.

4. Beck, G. (1973). Vai trò của kiểm toán viên trong xã hội hiện đại: Một bài viết thăm dò. Kế toán và nghiên cứu kinh doanh. Spring: 117-22.

5. Boynton, W., Johnson, R. & Kell, W. (2005). Sự đảm bảo và tính toàn vẹn của báo cáo tài chính. Ấn bản thứ 8. New York: John Wiley & Son, Inc.

6. Brink, V.Z. & Witt, H. 1982, Kiểm toán nội bộ.John Wiley & Sons: New York, NY.

 7. Chowdhury, R., Innes, J. & Kouhy, R. 2005. Các kỳ vọng về kiểm toán nhà nước tại Bangladesh. Quản trị kiểm toán Journal. 20 (8): 893-905.

8. Dixon, R. & Woodhead, A. 2006. Cuộc điều tra về khoảng cách giữa sự kỳ vọng ở Ai Cập. Quản trị kiểm toán Journal. 21 (3): 293-302.

9. Epstein, M. & Geiger, M. 1994. Những quan điểm đầu tư sự đảm bảo cho kiểm toán: Bằng chứng mới đây của kỳ vọng được mong đợi. Tạp chí Kế toán. 177 (1): 60-66.

 10. Fazdly, M. & Ahmad, Z. 2004. Khoảng cách giữa kỳ vọng của Kiểm toán vơi thực tế. Quản trị kiểm toán Journal. 19: 897-915.

11. Báo cáo tài chính kiểm toán: Đáp ứng mong đợi The Market. 2003. Viện Kế toán Chartered tại Úc (ICAA)

<http://www.charteredaccountants.com.au/resource_centre/auditing_assurance/auditing_thought_leadership/expectation_gap/A117226614>

12. Gay, G., Schelluch, P. & Reid, I. 1997. Nhận thức của người sử dụng trong các nhiệm vụ kiểm toán cho việc phòng ngừa, phát hiện và báo cáo về gian lận, vi phạm pháp luật khác. Đánh giá kế toán tại Úc. 7 (1): 51-61.

13. Gloeck, JD & De Jager, H. 1993. Khoảng cách giữa kỳ vọng kiểm toán và thực tế tại Cộng hòa Nam Phi. Tuyển tập của Trường Nghiên cứu Kế toán. Báo cáo nghiên cứu 93 (1). Đại học Pretoria.

14. Godsell, D. 1992. Trách nhiệm pháp lý và khoảng cách kỳ vọng kiểm toán. Kế toán Singapore. 8: 25-28.

15. Humphrey, C., Moizer, P. & Turley, W. 1993. Khoảng cách kỳ vọng kiểm toán tại Anh: một điều tra thực nghiệm. Kế toán và Kinh doanh Researchg. 23: 395-411.

16. KPMG Forensic Malaysia. 2005. Điều tra Gian lận báo cáo tài chính năm 2004. Kuala Lumpur: KPMG.

17. Leung, P. & Chau, G. 2001. Mối quan hệ giữa các vấn đề báo cáo kiểm toán và kiểm toán mong đợi; một số bằng chứng từ Hồng Kông. Những tiến bộ trong kế toán quốc tế. 14: 181-206.

18. Lin, Z. & Chen, F. 2004. Một nghiên cứu thực nghiệm của kiểm toán về 'khoảng cách của sự kỳ vọng” tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Tạp chí Quốc tế về kiểm toán. 8: 93-115.

19. Low, sáng 1980. Các kiểm toán viên phát hiện trách nhiệm: là có một "khoảng cách kỳ vọng '? Tạp chí Kế toán. Singapore. Tháng Mười: 65-70.

20.Monroe, G. & Woodliff, D. 1994. Một điều tra thực nghiệm của các kỳ vọng chênh lệch kiểm toán: bằng chứng từ Úc. Đánh giá kế toán tại Úc. Tháng Mười Một, 42-53.

 21.Porter, trách nhiệm B. 1997. Kiểm toán viên đối với gian lận của công ty: Một vấn đề gây tranh cãi, trong Sherer, M. và Turley, S. (Eds), 3rd ed, các vấn đề hiện tại của kiểm toán, Paul Chapman xuất bản. London, Ch. 2: 31-54.

22. Ngôi Sao. Ngày 19 tháng sáu năm 2007 [Trực tuyến]. <http://biz.thestar.com.my/news/story.asp?file=/2007/6/19/business/18065710&sec=business>

23. The Star. Ngày 13 tháng 9 năm 2002.

http://www.snni.org/cgibin/snni2/list\_item.cgi?archives/2002\_09\_13/malaysia/st1309\_1.txt

24. The star 31 Tháng Tám năm 2002.

<http://www.thedailystar.net/dailystarnews/200207/01/n2070105.htm>.